

AbSo-292-P250



Model: AH13-610x610x292-10/22-250

AH13: Lọc Absolute, Cấp độ lọc theo EN1822

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

10/22: Gioăng mặt gió vào / lưới bảo vệ hai mặt

250: Độ dày nếp gấp mm

Mã MGT: HF13GRB2PG-610x610x292

ỨNG DỤNG

- Bộ lọc absolute EPA-HEPA.
- Hệ thống thông gió phòng sạch.
- Sử dụng trong ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và công nghiệp thiết bị y tế.

Bộ lọc tuyệt đối cho dòng khí rối

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Cả hai mặt

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 ($\geq 85\%$), E11 ($\geq 95\%$), E12 ($\geq 99.5\%$), H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$)

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AH13-305x305x292-10/22-250	140801M	HF13GRB2PG	305x305x292	H13	250	7	750	250	5.5
AH13-305x610x292-10/22-250	140802M	HF13GRB2PG	305x610x292	H13	250	14	1500	250	9.2
AH13-457x457x292-10/22-250	140803M	HF13GRB2PG	457x457x292	H13	250	15.8	1680	250	10.5
AH13-457x610x292-10/22-250	140804M	HF13GRB2PG	457x610x292	H13	250	21	2250	250	11
AH13-610x610x292-10/22-250	140805M	HF13GRB2PG	610x610x292	H13	250	28	3000	250	12
AH13-610x762x292-10/22-250	140806M	HF13GRB2PG	610x762x292	H13	250	35	3750	250	13.5
AH13-610x915x292-10/22-250	140807M	HF13GRB2PG	610x915x292	H13	250	42	4500	250	17.5
AH14-305x305x292-10/22-250	140808M	HF14GRB2PG	305x305x292	H14	250	7	660	250	5.5
AH14-305x610x292-10/22-250	140809M	HF14GRB2PG	305x610x292	H14	250	14	1320	250	9.2
AH14-457x457x292-10/22-250	140810M	HF14GRB2PG	457x457x292	H14	250	15.8	1450	250	10.5
AH14-457x610x292-10/22-250	140811M	HF14GRB2PG	457x610x292	H14	250	21	1950	250	11
AH14-610x610x292-10/22-250	140812M	HF14GRB2PG	610x610x292	H14	250	28	2600	250	12
AH14-610x762x292-10/22-250	140813M	HF14GRB2PG	610x762x292	H14	250	35	3250	250	13.5
AH14-610x915x292-10/22-250	140814M	HF14GRB2PG	610x915x292	H14	250	42	3950	250	17.5
AE10-305x305x292-10/22-250	140851M	HF10GRB2PG	305x305x292	E10	250	7	1250	250	5.5
AE10-305x610x292-10/22-250	140852M	HF10GRB2PG	305x610x292	E10	250	14	2500	250	9.2
AE10-457x457x292-10/22-250	140853M	HF10GRB2PG	457x457x292	E10	250	15.8	2800	250	10.5
AE10-457x610x292-10/22-250	140854M	HF10GRB2PG	457x610x292	E10	250	21	3750	250	11
AE10-610x610x292-10/22-250	140855M	HF10GRB2PG	610x610x292	E10	250	28	5000	250	12
AE10-610x762x292-10/22-250	140856M	HF10GRB2PG	610x762x292	E10	250	35	6300	250	13.5
AE10-610x915x292-10/22-250	140857M	HF10GRB2PG	610x915x292	E10	250	42	7500	250	17.5

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AE11-305x305x292-10/22-250	140858M	HF11GRB2PG	305x305x292	E11	250	7	1000	250	5.5
AE11-305x610x292-10/22-250	140859M	HF11GRB2PG	305x610x292	E11	250	14	2040	250	9.2
AE11-457x457x292-10/22-250	140860M	HF11GRB2PG	457x457x292	E11	250	15.8	2250	250	10.5
AE11-457x610x292-10/22-250	140861M	HF11GRB2PG	457x610x292	E11	250	21	3050	250	11
AE11-610x610x292-10/22-250	140862M	HF11GRB2PG	610x610x292	E11	250	28	4050	250	12
AE11-610x762x292-10/22-250	140863M	HF11GRB2PG	610x762x292	E11	250	35	5100	250	13.5
AE11-610x915x292-10/22-250	140864M	HF11GRB2PG	610x915x292	E11	250	42	6100	250	17.5
AE12-305x305x292-10/22-250	140865M	HF12GRB2PG	305x305x292	E12	250	7	800	250	5.5
AE12-305x610x292-10/22-250	140866M	HF12GRB2PG	305x610x292	E12	250	14	1600	250	9.2
AE12-457x457x292-10/22-250	140867M	HF12GRB2PG	457x457x292	E12	250	15.8	1800	250	10.5
AE12-457x610x292-10/22-250	140868M	HF12GRB2PG	457x610x292	E12	250	21	2400	250	11
AE12-610x610x292-10/22-250	140869M	HF12GRB2PG	610x610x292	E12	250	28	3250	250	12
AE12-610x762x292-10/22-250	140870M	HF12GRB2PG	610x762x292	E12	250	35	4050	250	13.5
AE12-610x915x292-10/22-250	140871M	HF12GRB2PG	610x915x292	E12	250	42	4850	250	17.5

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316.

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Loại khung HF: đơn 25/20 mm, đôi 25/20 mm, Kích thước tùy chỉnh.

Lưới bảo vệ: Không lưới, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không gioăng, Cao su, EPDM, Gioăng chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Kích thước khác theo yêu cầu

Chênh áp ± 15%

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

**Nếp gấp sâu (Deep pleat)
Lưu lượng khí cao
Chênh áp thấp**

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT